TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 230/2022/QĐST-HNGĐ	*Đông Triều, ngày 30 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 19, khoản 11 Điều 70, khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26, điểm d khoản 5, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 254/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: anh Nguyễn Thế V sinh năm 1986, địa chỉ khu X, phường Y, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: chị Bùi Thị C sinh năm 1987, địa chỉ khu X, phường Y, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị Y sinh năm 1967 và ông Nguyễn Văn T sinh năm 1960, cùng địa chỉ khu X, phường Y, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh;
- Bà Nguyễn Thị T sinh năm 1950, địa chỉ số 214 Xuân Cầm, Xuân Sơn, Đông Triều, Quảng Ninh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/ Về tài sản C:

Chị C và anh V khẳng định có tài sản C là quyền sử dụng diện tích 209,1m^2 đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 053526, thửa đất số 583, tờ bản đồ số 28 tại khu X, phường Y, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh do UBND thị xã Đông Triều cấp ngày

24/8/2017 đứng tên anh Nguyễn Thế V và chị Bùi Thị C; trên đất có công trình xây dựng.

2/ Về chia tài sản C:

Chị C và anh V thống nhất chia phần diện tích 209,1m^2 đất thành hai phần: phần 1 diện tích 117m^2 đất, trên đất có công trình xây dựng, được giới hạn bởi các điểm (1, 2, 3, 4, 5, 12, 11, 9, 10, 1 theo sơ đồ); phần 2 diện tích 92,1m^2, trên đất có một phần mái tôn, được giới hạn bởi các điểm (5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 5 theo sơ đồ).

2.1/ Đối với phần diện tích 92,1m^2 đất, anh V và chị C thống nhất chia đôi: anh V được quyền sử dụng 46,05m^2 đất được giới hạn bởi các điểm (5, 6, 7, 12, 5 theo sơ đồ), trị giá 20.722.500^đ (hai mươi triệu bẩy trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng), chị C được quyền sử dụng 46,05m^2 đất được giới hạn bởi các điểm (8, 9, 11, 12, 7, 8 theo sơ đồ) trị giá 20.722.500^đ (hai mươi triệu bẩy trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Anh V và chị C cho tặng con C là cháu Nguyễn Bùi Gia K sinh ngày 26/12/2015 toàn bộ phần diện tích của mỗi người, cụ thể cháu Nguyễn Bùi Gia K được quyền sử dụng 92,1m^2 đất, trên đất có một phần mái tôn, được giới hạn bởi các điểm (5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 5 theo sơ đồ).

Anh V và chị C thống nhất khi cháu Nguyễn Bùi Gia K đủ 18 tuổi, cháu K sẽ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký đất đai đúng với diện tích được cho tặng; anh V và chị C có trách nhiệm trông giữ phần diện tích đất của cháu K và thực hiện nghĩa vụ thuế đất hàng năm theo quy định cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Đối với một phần mái tôn ông T và bà Y đang sử dụng chìa sang phần đất của cháu K, ông T và bà Y sẽ tự nguyện tháo dỡ khi cháu K làm thủ tục cấp giấy chứng chứng nhận quyền sử dụng đất, xây nhà.

2.2/ Đối với phần diện tích 117m^2 đất, trên đất có công trình xây dựng, được giới hạn bởi các điểm (1, 2, 3, 4, 5, 12, 11, 9, 10, 1 theo sơ đồ), anh Nguyễn Thế V, chị Bùi Thị C, bà Lê Thị Y và ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án ghi nhận nội dung:

Chị C và anh V cho tặng ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Y phần diện tích 117m^2 đất, trên đất có công trình xây dựng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 053526 do UBND thị xã Đông Triều cấp ngày 24/8/2017 cho anh Nguyễn Thế V và chị Bùi Thị C được giới hạn bởi các điểm (1, 2, 3, 4, 5, 12, 11, 9, 10, 1 theo sơ đồ).

Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Y có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký đất đai đúng với diện tích được cho tặng.

(Sơ đồ đo vẽ hiện trạng thửa đất chia tách ngày 20/9/2022 của Công ty cổ phần đo đạc bản đồ và kiến trúc quy hoạch Việt Nam thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh là một bộ phận không thể tách rời quyết định).

2.3/ anh Nguyễn Thế V, chị Bùi Thị C và bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án ghi nhận nội dung:

Bà T không yêu cầu anh V trả nợ bà T số tiền 268.000.000^đ (hai trăm sáu mươi tám triệu đồng), mà số tiền đó bà T cho cháu ngoại là Nguyễn Bùi Gia K sinh ngày 26/12/2015 và anh V có trách nhiệm trả cháu Nguyễn Bùi Gia K con trai anh V.

2.4/ Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản với số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ, nguyên đơn đã nộp đủ số tiền trên.

2.5/ Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Y và bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí.

- Anh Nguyễn Thế V phải chịu 518.062đ (năm trăm mười tám nghìn không trăm sáu hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm tranh chấp chia tài sản C, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009578, ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, trả lại anh V số tiền 2.106.938đ (hai triệu một trăm lẻ sáu nghìn chín trăm ba mươi tám đồng).

- Chị Bùi Thị C phải chịu 518.062đ (năm trăm mười tám nghìn không trăm sáu hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm tranh chấp chia tài sản C.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát thị xã Đông Triều;
- Tòa án tỉnh Quảng Ninh;
- UBND thị xã Đông Triều;
- Chi cục Thi hành án dân sự Đông Triều;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường